

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày 31-7-2024
V/v tranh chấp về xác định
quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Phong - Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng-ông Ngô Nhật T; địa chỉ trụ sở: Thôn G, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phùng Văn T1; Cư trú tại: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Vũ Thị N; Cư trú tại: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ngân hàng TMCP V; địa chỉ trụ sở: Số H, L, Phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V: Ông Vũ Việt A, Chức vụ: Nhân viên bán sản phẩm cho vay-Nhóm bán sản phẩm cho vay-Phòng Kinh doanh-Chi nhánh L-Vùng 6-Khối Khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP V

(Theo Văn bản ủy quyền số 110/2024/UQ-TGD ngày 09 tháng 5 năm 2024); có mặt.

+ Bà Hoàng Thị C; Cư trú tại: Thôn I, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị C: Ông Đặng Văn K; Cư trú tại: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (Theo Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 3 năm 2024); có mặt.

+ Ông Đặng Văn K; Cư trú tại: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Bà Hoàng Thị C1; Cư trú tại: Thôn I, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị C1: Ông Trần Văn N1; Cư trú tại: Thôn I, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (Theo Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 3 năm 2024); có mặt.

- Anh Phùng Thái A1; Cư trú tại: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh Phùng Tuấn C2; Cư trú tại: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng-ông Ngô Nhật T trình bày: Ông được phân công tổ chức thi hành các bản án của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên mà người phải thi hành án là ông Phùng Văn T1, sinh năm 1969; cư trú tại thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, nội dung như sau:

Theo Bản án số 01/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thì ông Phùng Văn T1 phải trả cho ông Đặng Văn K tổng số tiền còn nợ là 213.474.291 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Theo Bản án số 28/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thì ông Phùng Văn T1 phải trả cho bà Hoàng Thị C số tiền là 140.550.000 đồng trong đó nợ gốc là: 100.000.000 đồng, tiền lãi: 40.550.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Theo Bản án số 27/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thì ông Phùng Văn T1 phải thanh toán trả cho bà Hoàng Thị C1 số tiền là 68.889.000 đồng trong đó nợ gốc là 54.000.000 đồng, nợ lãi là 14.889.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra ông Phùng Văn T1 còn phải đóng các khoản án phí theo quy định.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên đã tiến hành giải quyết các vụ việc trên theo đúng trình tự thủ tục quy định

của pháp luật, tuy nhiên ông **Phùng Văn T1** không thực hiện việc thi hành án. Chi cục Thi hành án đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án và xác định ông **Phùng Văn T1** có duy nhất tài sản chung có giá trị với vợ là bà **Vũ Thị N** là quyền sử dụng 1300m²đất tại thửa đất số 469 tờ bản đồ số 02; địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** đứng tên người sử dụng đất ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** và các tài sản gắn liền với đất, tài sản này, ông **T1**, bà **N** đang thế chấp để vay tiền tại **Ngân hàng TMCP Vành G - Chi nhánh H**, với dư nợ ban đầu là 600.000.000 đồng thời hạn vay 120 tháng từ ngày 19 tháng 8 năm 2021 đến ngày 19 tháng 8 năm 2031.

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên đã ra Thông báo số 613/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án có nội dung: "Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này mà không thỏa thuận phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thì chấp hành viên sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật". Tuy nhiên, hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** đều không khởi kiện tại Tòa án, cũng không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản có tranh chấp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, Chi cục Thi hành án dân sự **huyện T** ra Thông báo số 77/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án có nội dung: "Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự". Tuy nhiên, hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, ông **Đặng Văn K**, bà **Hoàng Thị C** và bà **Hoàng Thị C1** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên khởi kiện đối với ông **Phùng Văn T1**, yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông **Phùng Văn T1** trong khối tài sản chung giữa ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** đối với tài sản là thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, diện tích 1298,7m² đất; địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và toàn bộ nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên đất để Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên có căn cứ xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ các tài sản trên hiện tại do ông **Phùng Văn T1**, bà **Vũ Thị N**, anh **Phùng Thái A1**, anh **Phùng Tuấn C2** quản lý, sử dụng.

*Tại Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông **Phùng Văn T1** trình bày:* Về nghĩa vụ của bị đơn đối với người được thi hành án theo các bản án của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên và nguồn gốc, quá trình sử dụng tài sản đối với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.300m²; địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** và các tài sản trên đất như người khởi kiện trình bày là đúng. Hiện tại, ông, bà **N** và hai con là **Phùng Thái A1** và

Phùng Tuấn C2 đang cư trú trên nhà đất nói trên. Anh Phùng Thái A1 và anh Phùng Tuấn C2 không có công sức đóng góp gì với ông và bà N trong việc xây dựng nhà ở và các công trình xây dựng trên thửa đất trên.

Nay Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện Thủy Nguyên khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất, phần quyền sở hữu tài sản trên đất trong khối tài sản chung của ông và bà N là thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng và các tài sản trên đất, ông có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện tại các anh, chị em ruột của ông đang tranh chấp quyền thừa kế của bố, mẹ ông đối với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, ông không có chứng cứ về việc cơ quan, tổ chức đang giải quyết tranh chấp đối với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng để giao nộp cho Tòa án. Ông đồng ý để Tòa án giải quyết đối với diện tích đất tranh chấp 1298,7m², tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị N trình bày: Bà thống nhất với lời khai và quan điểm của ông Phùng Văn T1 tại các Biên bản lấy lời khai của Tòa án.

Tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn K; bà Hoàng Thị C1 do người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị C1 là ông Trần Văn N1; bà Hoàng Thị C do người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị c là ông Đặng Văn K trình bày: Ông Đặng Văn K là người được thi hành án tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018; Bà Hoàng Thị C là người được thi hành án tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018; Bà Hoàng Thị C1 là người được thi hành án tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên. Theo quyết định của các bản án này thì số tiền phải thi hành án của ông Phùng Văn T1 theo như nguyên đơn đã trình bày là đúng.

Do ông Phùng Văn T1 không tự nguyện thi hành án án, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, kết quả xác minh ông Phùng Văn T1 có tài sản cùng với bà Vũ Thị N gồm quyền sử dụng diện tích 1.300m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, xã L; địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL379800, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H/01759 ngày 04 tháng 4 năm 2008 tên người sử dụng đất ông Phùng Văn T1 và bà Vũ Thị N. Tài sản trên hiện nay ông T1, bà N đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP V để đảm bảo cho khoản vay 600.000.000 đồng của ông T1, bà N tại Ngân hàng TMCP V.

Nay Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên khởi kiện ông Phùng Văn T1 yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần

quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông **Phùng Văn T1** trong khối tài sản chung giữa ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** đối với tài sản là quyền sử dụng đất 1298,7m² đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, ông **Đặng Văn K**, bà **Hoàng Thị C** và bà **Hoàng Thị C1** có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ cho ông **K**, bà **C**, bà **C1** là những người được thi hành án.

*Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh **Phùng Thái A1**, **Phùng Tuấn C2** trình bày:* Các anh là con đẻ của ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N**. Các anh không có công sức đóng góp gì đối với khối tài sản của bố, mẹ các anh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng**. Các anh không liên quan đến vụ án Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện **T** đang khởi kiện đối với ông **T1**, bà **N** về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

*Tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng TMCP V** do ông **Vũ Việt A** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* **Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh H G** (viết tắt là Ngân hàng) và ông **Phùng Văn T1**, bà **Vũ Thị N** ký Hợp đồng cho vay số LN2108164155098 ngày 19 tháng 8 năm 2021 (gọi tắt là Hợp đồng cho vay) và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 (gọi tắt là phụ lục hợp đồng). Theo nội dung Hợp đồng cho vay, Ngân hàng cho ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn mở rộng phát triển kinh doanh hải sản khô. Thời hạn cho vay 120 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay.

Khoản tiền vay được ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **xã L**; địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng**. Diện tích đất đã được **UBND huyện T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL379800, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H/01759 ngày 04/4/2008 tên người sử dụng đất ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N**. Việc thế chấp tài sản đã được lập Hợp đồng thế chấp số: 4155098 ngày 18 tháng 8 năm 2021 (gọi tắt là Hợp đồng thế chấp tài sản). Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là Ngân hàng, ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N**. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay và Phụ lục hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** vay số tiền 600.000.000 đồng. Ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng và đã thực hiện đúng nghĩa vụ thành toán đối với Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay và **P** lục hợp đồng Ngân hàng và ông **T1**, bà **N** đã ký kết. Nay Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên khởi kiện ông **Phùng Văn T1** yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông **Phùng Văn T1** trong khối tài sản chung giữa ông **Phùng Văn T1** và

bà **Vũ Thị N** đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 1298,7m² đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, **Ngân hàng TMCP V** không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đặng Văn K**, người đại diện theo ủy quyền của các bà **Hoàng Thị C1, Hoàng Thị C** đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Vũ Thị N**, anh **Phùng Thái A1**, anh **Phùng Tuấn C2** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP V** có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 12 Điều 26; khoản 9 Điều 27; Điều 147; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 74; khoản 3 Điều 170 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ vào Điều 9, Điều 33; điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên-ông **Ngô Nhật T** về việc xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của ông **Phùng Văn T1** để thi hành án.

Xác định thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, diện tích 1298,7m² đứng tên ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** tại **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** và các tài sản gắn liền trên thửa đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng chung của vợ chồng ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N**. Ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** mỗi người được quyền sở hữu, quyền sử dụng 1/2 giá trị khối tài sản chung của vợ chồng (gồm thửa đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất).

- Ông **Phùng Văn T1** phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Vũ Thị N**, anh **Phùng Thái A1**, anh **Phùng Tuấn C2** vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt bà **Vũ Thị N**, anh **Phùng Thái A1**, anh **Phùng Tuấn C2** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên - ông **Ngô Nhật T** khởi kiện ông **Phùng Văn T1** yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của ông **T1** đối trong khối tài sản chung với bà **Vũ Thị N** để đảm bảo thi hành án theo Điều 74 Luật Thi hành án dân sự. Đây là vụ án “Tranh chấp về xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản” được quy định tại khoản 12 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại **huyện T**, đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** thuộc địa bàn **huyện T**. Nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[3] Xét quyền khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự để thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản để thực hiện việc thi hành án, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện Thủy Nguyên phải thực hiện việc thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc thực hiện quyền khởi kiện của mình, hết thời hạn được thông báo mà các bên không có thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung. Tại Thông báo số 613/TTB-CCTHADS ngày 03 tháng 11 năm 2022, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên đã thực hiện việc thông báo cho ông **Phùng Văn T1** là người phải thi hành án và thông báo cho ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** là những người có quyền sở hữu, sử dụng chung đối với tài sản nhưng hết thời hạn thông báo, ông **T1**, bà **N** không có ai thực hiện việc khởi kiện; Tại Thông báo số 77/TB-CCTHADS ngày 27 tháng 02 năm 2023, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên đã thực hiện việc thông báo cho các ông, bà **Đặng Văn K**, **Hoàng Thị C**, **Hoàng Thị C1** là những người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung nhưng hết thời hạn thông báo, ông **K**, bà **C1**, bà **C** không có ai thực hiện việc khởi kiện. Nên Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo khoản 1 Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Vũ Thị N**, anh **Phùng Thái A1**, anh **Phùng Tuấn C2**, căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đủ cơ sở xác định: Ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 9 năm 1996 tại **UBND xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng**. Quá trình chung sống ông **T1** và bà **N**

đã tạo lập được khối tài sản chung là nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 41m² và nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên diện tích đất ở 1300m² thuộc thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02 địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng**. Nguồn gốc diện tích đất là của bố, mẹ ông **T1** cho ông **T1** và bà **N** đã được **UBND huyện T** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 379800, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01759 ngày 04 tháng 4 năm 2008 tên người sử dụng đất ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N**, các tài sản là nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 41m² và nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên diện tích đất là do ông **T1**, bà **N** xây dựng; Ngoài diện tích đất ông **T1**, bà **N** được bố, mẹ ông **T1** tặng cho trong thời kỳ hôn nhân, các tài sản trên đất là nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và xây cối hoa màu trên đất ông **T1**, bà **N** đều lao động để tạo ra khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, ông **T1**, bà **N** không ai có ý kiến về việc ai có công sức nhiều hơn ai nên theo quy định Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định ông **T1** và bà **N** có công sức đóng góp vào khối tài sản chung bằng nhau. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông **T1**, bà **N** được quyền sở hữu và sử dụng chung (ông **T1**, bà **N** mỗi người được sở hữu, sử dụng 1/2 giá trị) thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **xã L**; địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** và các tài sản gắn liền trên thửa đất.

[4.1] Về việc ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** có ý kiến về việc hiện tại các anh, chị em ruột của ông **T1** đang tranh chấp quyền thừa kế của bố, mẹ ông **T1** đối với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng**, nhưng ông **T1**, bà **N** không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ lời khai của ông **T1**, bà **N**, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nhưng không xác định được có Cơ quan, tổ chức đang giải quyết tranh chấp đối với thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng**, nên không có cơ sở xem xét ý kiến của ông **T1**, bà **N**.

[5] Tài sản Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án ông **Phùng Văn T1** trong khối tài sản chung với bà **Vũ Thị N** là thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** và các tài sản gắn liền trên thửa đất, hiện tại ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** đã thế chấp để vay vốn tại **Ngân hàng TMCP V**, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP V** không yêu cầu, đề nghị gì, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự **UBND huyện T** xác định:

[6.1] Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** đứng tên người sử dụng đất là **Phùng Văn T1** và vợ là **Vũ Thị N** đã được **UBND huyện T** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 379800, số vào sổ

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01759 ngày 04 tháng 4 năm 2008 có vị trí, kích thước như sau: Phía Bắc giáp ngõ xóm từ mốc 1-2 dài 15,86m; các mốc 2-3-4-5-6 dài 2,77m; mốc 6-7 dài 14,44m. Phía Nam giáp ngõ xóm từ mốc 12-13 dài 7,7m; giáp thửa đất bà Nguyễn Thị N2 từ các mốc 13-14-15 dài 10,3m + 15,85m. Phía Đông giáp thửa đất bà Phùng Thị T2 từ mốc 7-8 dài 11,79m; giáp lô cốt từ các mốc 8-9-10 dài 10,03m + 10m; giáp đất công bao gồm các mốc 10-11-12 dài 3m + 22,8m. Phía Tây giáp đường thôn bao gồm các mốc từ 15-16-17-18-19-1 dài 20,9m + 4,15m + 4,75m + 3,36m + 6,7m. Diện tích 1298,7m² đất.

[6.2] Giá trị quyền sử dụng diện tích đất ở là 5.000.000 đồng/m² đất x 1298,7m² đất = 6.493.500.000 đồng.

[6.3] Các tài sản trên diện tích đất ở gồm: Một nhà ống một tầng đồ mái bằng lợp tôn mạ màu chống nóng, nền gạch đỏ, cửa sắt kính; Một nhà bếp đồ mái bằng, nền gạch đỏ, cửa sắt kính; Khu công trình phụ gồm nhà tắm, nhà vệ sinh nền gạch men, cửa nhôm kính, đồ mái bằng, phía trên nóc có bể chứa nước; Một lán tôn mạ màu khung kẽm giữa nhà ở và nhà bếp; Một cổng hai trụ hai cánh sắt hộp giáp đường liên thôn; Một cổng hai cánh song sắt phía trong sân nhà; Sân bê tông xi măng ngõ đi vào trước nhà phía sau; Một nhà ở phía sau ba gian, một gian thờ, nền gạch men, cửa pano gỗ, đồ mái bằng; Một cổng hai trụ hai cánh song sắt, mái công lợp tôn mạ màu; Một điện thờ; Bờ be quanh sân phía sau xây trát cao khoảng 60cm; Bờ bao quang khu đất trình trật và xây gạch ba banh; Bốn cây mít to; ba cây khế, một cây sung, một cây bông, ba cây na to, ba cây na nhỏ, một cây vải, một cây nhãn, sáu cây mít nhỏ, một cây vũ sữa, hai cây đu đủ, một cây ổi nhỏ, một cây sắn thuyền nhỏ. Trị giá các tài sản trên đất là 294.003.000 đồng.

[6.4] Căn cứ kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại UBND xã L, huyện T xác định: Diện tích đất 1300m² đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên người sử dụng đất là Phùng Văn T1 và vợ là Vũ Thị N đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 379800, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01759 ngày 04 tháng 4 năm 2008, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án có diện tích 1298,7m² đất ít hơn 1,3m² đất so với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hình thể thửa đất, các cạnh giáp ranh, diện tích đất có sự thay đổi là do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận đo vẽ và tính toán bằng phương pháp thủ công nên diện tích và chiều dài các cạnh của thửa đất có sự chênh lệch, phần giáp danh có sự thay đổi là do các chủ sử dụng đất liền kề có sự thay đổi. Vì vậy, xác định diện tích đất có tranh chấp theo hiện trạng là 1298,7m².

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tạm ứng chi phí định giá tài sản nên buộc bị đơn phải hoàn trả cho trả lại cho nguyên đơn số tiền nguyên đơn đã nộp.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 12 Điều 26; khoản 9 Điều 27; Điều 147; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 74; khoản 3 Điều 170 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 33; điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng-ông **Ngô Nhật T** về việc xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của ông **Phùng Văn T1** để thi hành án.

Ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** được quyền sở hữu và sử dụng chung thửa đất số 469, tờ bản đồ số 02, xã L; địa chỉ thửa đất: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng** theo hiện trạng là 1298,7m² đất, (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 379800, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01759 do **UBND huyện T** cấp ngày 04 tháng 4 năm 2008 tên người sử dụng đất là ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** là 1.300m² đất) và các tài sản gắn liền trên thửa đất. Ông **Phùng Văn T1** và bà **Vũ Thị N** mỗi người được quyền sở hữu, quyền sử dụng 1/2 giá trị khối tài sản chung của vợ chồng gồm thửa đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất. (Hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền trên thửa đất có sơ đồ kèm theo).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Ông **Phùng Văn T1** phải chịu 15.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên-ông **Ngô Nhật T** đã nộp số tiền 15.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tạm ứng chi phí định giá tài sản theo Biên bản giao nhận ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải

Phòng. Nên buộc ông **Phùng Văn T1** phải hoàn trả lại cho Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên-ông **Ngô Nhật T** 15.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông **Phùng Văn T1** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND thành phố HP;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cục THADS H Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế